



Số Kiểm soát OMB: 3245-0407

Ngày hết hạn: 31/12/2020

CHƯƠNG TRÌNH BẢO VỆ TIỀN LƯƠNG
BẢNG CÂU HỎI VỀ TÍNH CẦN THIẾT CỦA KHOẢN VAY
(DÀNH CHO BÊN VAY HOẠT ĐỘNG SINH LỢI)

Mục đích của biểu mẫu này là tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập thông tin bổ sung mà các chuyên viên đánh giá khoản vay của SBA sẽ sử dụng để đánh giá nội dung xác nhận thiện chí mà quý vị đã đưa ra trong Đơn đăng ký Vay theo chương trình PPP của mình (Mẫu 2483 của SBA hoặc biểu mẫu tương đương của Bên cho vay) rằng kinh tế bất ổn đã làm cho nhu cầu vay trở nên cần thiết. Mỗi Bên vay hoạt động sinh lời, cùng với các đơn vị liên kết của mình,¹ đã nhận các khoản vay PPP với số tiền gốc ban đầu là 2 triệu đô la trở lên, phải hoàn thành biểu mẫu này và gửi kèm các giấy tờ chứng minh cần thiết cho Bên cho vay xử lý khoản vay PPP của Bên cho vay. **Bên cho vay xử lý khoản vay PPP của quý vị phải xử lý biểu mẫu đã hoàn tất trong vòng mười ngày làm việc kể từ ngày nhận được.**

SBA đang xem xét các khoản vay này để tối đa hóa tính toàn vẹn của chương trình và bảo vệ các nguồn lực của người đóng thuế. Thông tin thu thập được sẽ được sử dụng để hỗ trợ SBA xem xét nội dung xác nhận thiện chí của quý vị rằng kinh tế bất ổn khiến cho nhu cầu vay của quý vị trở nên cần thiết để hỗ trợ cho các hoạt động đang diễn ra. Việc tiếp nhận biểu mẫu này không có nghĩa là SBA không thừa nhận nội dung xác nhận đó. Sau khi biểu mẫu này được đệ trình, SBA có thể yêu cầu thông tin bổ sung, nếu cần, để hoàn thành việc xem xét. Quyết định của SBA sẽ dựa trên tổng thể tình hình của quý vị.

Việc không hoàn thành biểu mẫu và cung cấp các tài liệu hỗ trợ cần thiết có thể dẫn đến việc SBA xác định rằng quý vị không đủ điều kiện nhận khoản vay PPP, số tiền vay PPP hoặc bất kỳ số tiền xóa nợ nào được yêu cầu và SBA có thể yêu cầu hoàn trả khoản vay hoặc theo đuổi các biện pháp khắc phục sẵn có khác.

Trong vòng năm ngày làm việc kể từ khi quý vị cung cấp một biểu mẫu hoàn chỉnh với tất cả các phản hồi được yêu cầu, giấy tờ hỗ trợ, chữ ký và nội dung xác nhận, Bên cho vay xử lý khoản vay của quý vị phải tải biểu mẫu và các giấy tờ lên Nền tảng Xóa nợ Khoản vay PPP của SBA (forgiveness.sba.gov) và nhập riêng câu trả lời của quý vị cho từng câu hỏi vào biểu mẫu trên web có sẵn trong nền tảng.

Các hướng dẫn bổ sung được trình bày ở trang tiếp theo.

Đạo luật Giảm Công Việc Giấy Tờ - Quý vị không cần phải trả lời bộ thông tin này trừ khi nó hiển thị Số Kiểm soát OMB hiện tại hợp lệ. Thời gian ước tính để hoàn thành bảng câu hỏi này, bao gồm cả thu thập dữ liệu cần thiết, là 90 phút. Mọi ý kiến về thời gian này hoặc thông tin được yêu cầu phải được gửi đến Small Business Administration, Director, Records Management Division (Cơ quan Quản lý Doanh nghiệp Nhỏ, Giám đốc, Phòng quản lý Hồ sơ), 409 3rd St., SW, Washington DC 20416, và/hoặc SBA Desk Officer, Office of Management and Budget, New Executive Office Building (Nhân viên Quản lý của SBA, Văn phòng Quản lý và Ngân sách, Tòa nhà Văn phòng Điều hành mới), Washington DC 20503. **VUI LÒNG KHÔNG GỬI CÁC MẪU ĐƠN ĐẾN NHỮNG ĐỊA CHỈ NÀY.**

¹ Xem [85 FR 20817](#) (15/04/2020) về việc áp dụng các quy tắc của SBA về quan hệ liên kết.

Phần A - Thông tin Bên vay

Tên Pháp lý của Doanh nghiệp ("Bên vay")	Tên hoạt động (DBA) hoặc Tên thương mại, nếu có	
Địa chỉ Doanh nghiệp	Số nhận dạng Doanh nghiệp đóng thuế (TIN) (Số nhận dạng Người sử dụng lao động (EIN), Số an sinh Xã hội (SSN))	Số điện thoại Doanh nghiệp
	Người liên hệ Chính	Địa chỉ email
Số Tham chiếu khoản vay PPP của SBA	Số tiền gốc ban đầu của Khoản vay PPP (\$)	

Phần B - Dành cho Bên vay Hoạt động Sinh lợi

Các loại bên vay hoạt động sinh lợi đủ điều kiện bao gồm hộ kinh doanh cá thể, công ty hợp danh, tập đoàn C, tập đoàn S, công ty trách nhiệm hữu hạn, nhà thầu độc lập, cá nhân tự kinh doanh đủ điều kiện, doanh nghiệp Bộ lạc (mục 31(b)(2)(C) của Đạo luật Doanh nghiệp Nhỏ), và các hợp tác xã điện và điện thoại được miễn thuế thu nhập liên bang theo mục 501(c)(12) của Bộ luật Thuế vụ.

Hướng dẫn:

- Đối với phần Đánh giá Hoạt động Kinh doanh bên dưới, quý vị phải bao gồm các giấy tờ chứng minh cho câu trả lời của mình cho câu hỏi số 1 như một phần của tài liệu đệ trình.
- Đối với phần Đánh giá Thanh khoản bên dưới, quý vị phải bao gồm các giấy tờ chứng minh cho câu trả lời của mình cho câu hỏi số 1, 2.B, 3.B, 4.C, và 5.C như một phần của tài liệu đệ trình.
- Đối với mỗi câu hỏi, trong cột bên phải (có nhãn "Bảo mật?"), chọn "CÓ" hoặc "KHÔNG" để cho biết liệu câu trả lời hoặc thông tin quý vị cung cấp để trả lời câu hỏi có được giữ bí mật theo thông lệ hay không.
- SBA có thể yêu cầu các giấy tờ chứng minh bổ sung như một phần của quá trình xem xét khoản vay.

Đánh giá Hoạt động Kinh doanh	Bảo mật?
<p>1. Vui lòng trả lời và cung cấp giấy tờ chứng minh cho câu hỏi 1.A và 1.B hoặc 1.C:</p> <p>A. Tổng doanh thu của Bên vay trong quý 2 dương lịch (Q2) năm 2020 là bao nhiêu? \$</p> <p><i>Những bên vay theo mùa có thể cung cấp tổng doanh thu trong quý 3 dương lịch (Q3) của năm 2020 thay vì Q2 năm 2020.</i></p>	
<p>B. Nếu trong Quý 2 năm 2019 đã có sự tồn tại của Bên vay, thì tổng doanh thu của Bên vay trong Quý 2 năm 2019 là bao nhiêu?</p> <p><i>Những bên vay theo mùa đã nhập tổng doanh thu Quý 3 năm 2020 cho câu hỏi 1.A thì phải nhập tổng doanh thu Quý 3 năm 2019.</i></p>	

<p>C. Nếu trong Quý 2 năm 2019 Bên vay chưa tồn tại, thì tổng doanh thu của Bên vay trong quý dương lịch đầu tiên (Q1) năm 2020 là bao nhiêu?</p> <p><i>Những bên vay theo mùa đã nhập tổng doanh thu Quý 3 năm 2020 cho câu hỏi 1.A thì phải nhập tổng doanh thu Quý 3 năm 2019.</i></p>	\$	
<p>2. A. Kể từ khi Tổng thống Trump ban hành Tuyên bố Khẩn cấp Quốc gia về COVID-19 vào ngày 13 tháng 3 năm 2020, Bên vay có từng bị chính quyền tiểu bang hoặc địa phương ra lệnh đóng cửa do COVID-19 không?</p>	<input type="checkbox"/> CÓ <input type="checkbox"/> KHÔNG	
<p>B. Nếu câu trả lời cho câu hỏi 2.A là CÓ, thì tiểu bang hoặc chính quyền địa phương nào đã ban hành lệnh đóng cửa?</p>		
<p>C. Nếu câu trả lời cho câu hỏi 2.A là CÓ, hãy cho biết ngày bắt đầu và ngày kết thúc của lệnh đóng cửa (nếu đang diễn ra thì viết “hiện tại” ở ô “Kết thúc”).</p>	Bắt đầu Kết thúc	
<p>3. A. Tại bất kỳ thời điểm nào kể từ ngày 13 tháng 3 năm 2020, Bên vay có từng bị chính quyền tiểu bang hoặc địa phương ra lệnh thay đổi đáng kể hoạt động của mình do COVID-19 không?</p>	<input type="checkbox"/> CÓ <input type="checkbox"/> KHÔNG	
<p>B. Nếu câu trả lời cho câu hỏi 3.A là CÓ, hãy cho biết ngày bắt đầu và ngày kết thúc của lệnh thay đổi hoạt động (nếu đang diễn ra thì viết “hiện tại” ở ô “Kết thúc”).</p>	Bắt đầu Kết thúc	
<p>C. Nếu câu trả lời cho 3.A là CÓ thì hoạt động của Bên vay đã thay đổi như thế nào do lệnh đó? (chọn tất cả các câu phù hợp)</p> <p>i. Số lượng người được phép có mặt cùng lúc tại cùng một địa điểm đã bị cắt giảm hoặc giới hạn.</p>	<input type="checkbox"/> CÓ <input type="checkbox"/> KHÔNG	
<p>ii. Các dịch vụ chỉ được tổ chức ở ngoài trời.</p>	<input type="checkbox"/> CÓ <input type="checkbox"/> KHÔNG	
<p>iii. Không gian làm việc của nhân viên đã được bố trí lại.</p>	<input type="checkbox"/> CÓ <input type="checkbox"/> KHÔNG	
<p>iv. Khác (vui lòng mô tả) [tối đa 1,000 ký tự].</p>		

D.	Nếu câu trả lời cho câu hỏi 3.A là CÓ thì các khoản chi tiền mặt áng chừng mà Bên vay phải chi thêm cho những thay đổi bắt buộc này là bao nhiêu?			\$
4. A.	Tại bất kỳ thời điểm nào kể từ ngày 13 tháng 3 năm 2020, Bên vay có từng tự nguyện ngừng hoặc giảm hoạt động do COVID-19 không?	<input type="checkbox"/> CÓ	<input type="checkbox"/> KHÔNG	
B.	Nếu câu trả lời cho câu hỏi 4.A là CÓ, hãy cho biết ngày bắt đầu và ngày kết thúc khi Bên vay tự nguyện ngừng hoặc giảm hoạt động (nếu đang diễn ra thì viết “hiện tại” ở ô “Kết thúc”).	Bắt đầu	Kết thúc	
C.	Nếu câu trả lời cho câu hỏi 4.A là CÓ thì tại sao Bên vay lại tự nguyện ngừng hoặc giảm hoạt động? (chọn tất cả các câu phù hợp)	<input type="checkbox"/> CÓ	<input type="checkbox"/> KHÔNG	
i.	Có (các) nhân viên nhiễm COVID-19.			
ii.	COVID-19 đã làm gián đoạn đáng kể chuỗi cung ứng của Bên vay (ví dụ: nhà cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ thiết yếu cho hoạt động của Bên vay không thể cung cấp do COVID-19).	<input type="checkbox"/> CÓ	<input type="checkbox"/> KHÔNG	
iii.	Khác (vui lòng mô tả) [tối đa 1,000 ký tự].			
5. A.	Tại bất kỳ thời điểm nào kể từ ngày 13 tháng 3 năm 2020, Bên vay có từng tự nguyện thay đổi hoạt động do COVID-19 không (ngoài việc ngừng hoặc giảm hoạt động)?	<input type="checkbox"/> CÓ	<input type="checkbox"/> KHÔNG	
B.	Nếu câu trả lời cho câu hỏi 5.A là CÓ, hãy cho biết ngày bắt đầu và ngày kết thúc khi các thay đổi tự nguyện đó được thực hiện (nếu đang diễn ra, hãy viết “hiện tại” ở ô “Kết thúc”; nếu là nhiều quãng thời gian khác nhau, hãy viết nhiều ngày bắt đầu và kết thúc).	Bắt đầu	Kết thúc	
C.	Nếu câu trả lời cho 5.A là CÓ thì hoạt động của Bên vay đã được thay đổi tự nguyện như thế nào? (chọn tất cả các câu phù hợp)			
i.	Số lượng người được phép có mặt cùng lúc tại cùng một địa điểm đã bị cắt giảm hoặc giới hạn.	<input type="checkbox"/> CÓ	<input type="checkbox"/> KHÔNG	
ii.	Các dịch vụ chỉ được tổ chức ở ngoài trời.	<input type="checkbox"/> CÓ	<input type="checkbox"/> KHÔNG	
iii.	Không gian làm việc của nhân viên đã được bố trí lại.	<input type="checkbox"/> CÓ	<input type="checkbox"/> KHÔNG	

iv. Khác (vui lòng mô tả) [tối đa 1,000 ký tự].	
D. Nếu câu trả lời cho câu hỏi 5.A là CÓ thì các khoản chi tiền mặt ứng chùng mà Bên vay phải chi thêm cho những thay đổi tự nguyện này là bao nhiêu? \$	
6. A. Trong khoảng thời gian từ ngày 13 tháng 3 năm 2020 đến khi kết thúc kỳ hạn xóa nợ khoản vay PPP, Bên vay có bắt đầu bất kỳ dự án cải thiện vốn mới nào không phải do COVID-19 không? <input type="checkbox"/> CÓ <input type="checkbox"/> KHÔNG	
B. Nếu câu trả lời cho câu hỏi 6.A là CÓ thì các khoản chi tiền mặt ứng chùng của Bên vay cho những dự án này là bao nhiêu? \$	
7. Mã NAICS sáu chữ số chính của Bên vay là gì?	
8. Không bắt buộc - hãy chú thích thêm cho bất kỳ câu hỏi nào trong phần Đánh giá Hoạt động Kinh doanh này [tối đa 1,000 ký tự].	

Đánh giá Thanh khoản	Bảo mật?
1. Tính đến ngày cuối cùng của quý dương lịch ngay trước ngày Bên vay nộp đơn đăng ký khoản vay PPP, Bên vay sở hữu bao nhiêu tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt? Cung cấp giấy tờ chứng minh. \$	
2. A. Trong khoảng thời gian từ ngày 13 tháng 3 năm 2020 đến khi kết thúc thời hạn xóa nợ khoản vay PPP, Bên vay có trả bất kỳ khoản cổ tức nào hoặc các khoản phân phối vốn khác (ngoại trừ khoản thanh toán thuế ước tính chuyển qua ²) cho các chủ sở hữu của mình không? <input type="checkbox"/> CÓ <input type="checkbox"/> KHÔNG	

² Không kể các khoản phân phối của một công ty hợp danh hoặc Công ty S được thiết kế để chỉ sử dụng cho các khoản

<p>B. Nếu câu trả lời cho câu hỏi 2.A là CÓ, thì tổng số tiền của tất cả các khoản cổ tức hoặc các khoản phân phối vốn khác từ ngày 13 tháng 3 năm 2020 đến khi kết thúc thời hạn xóa nợ khoản vay PPP là bao nhiêu? Cung cấp giấy tờ chứng minh.</p>	\$	
<p>3. A. Trong khoảng thời gian từ ngày 13 tháng 3 năm 2020 đến khi kết thúc thời hạn xóa nợ khoản vay PPP, Bên vay có trả trước bất kỳ khoản nợ chưa trả nào (tức là trả trước hạn theo hợp đồng) không?</p>	<input type="checkbox"/> CÓ <input type="checkbox"/> KHÔNG	
<p>B. Nếu câu trả lời cho câu hỏi 3 .A là CÓ, thì tổng số tiền của tất cả các khoản trả nợ hạn từ ngày 13 tháng 3 năm 2020 đến khi kết thúc thời hạn xóa nợ khoản vay PPP là bao nhiêu? Cung cấp giấy tờ chứng minh.</p>	\$	
<p>4. A. Trong thời hạn xóa nợ khoản vay PPP, có bất kỳ nhân viên nào của Bên vay được trả thù lao số tiền vượt quá 250,000 đô la trên cơ sở hàng năm không? (Tiền thù lao cho mục đích này bao gồm tổng lương, tổng tiền công, tổng tiền bo, tổng hoa hồng và phụ cấp cho việc sa thải hoặc chấm dứt hợp đồng lao động.)</p>	<input type="checkbox"/> CÓ <input type="checkbox"/> KHÔNG	
<p>B. Nếu câu trả lời cho câu hỏi 4.A là CÓ, thì có bao nhiêu nhân viên như vậy?</p>		
<p>C. Nếu câu trả lời cho câu hỏi 4.A là CÓ, thì tổng số tiền thù lao của tất cả những nhân viên được tính trong câu trả lời cho câu hỏi 4.B trong thời gian xóa nợ khoản vay là bao nhiêu? Cung cấp giấy tờ chứng minh.</p>	\$	
<p>5. A. Trong thời gian xóa nợ khoản vay PPP, có bất kỳ chủ sở hữu nào của Bên vay làm việc tại Bên vay được Bên vay trả thù lao số tiền vượt quá 250,000 đô la trên cơ sở hàng năm không? (Tiền thù lao cho mục đích này bao gồm tổng lương, tổng tiền công, tổng tiền bo, tổng hoa hồng và phụ cấp cho việc sa thải hoặc chấm dứt hợp đồng lao động.)</p>	<input type="checkbox"/> CÓ <input type="checkbox"/> KHÔNG	
<p>B. Nếu câu trả lời cho câu hỏi 5.A là CÓ, thì có bao nhiêu chủ sở hữu như vậy?</p>		
<p>C. Nếu câu trả lời cho câu hỏi 5.A là CÓ, thì tổng số tiền thù lao của tất cả những chủ sở hữu được tính trong câu trả lời cho câu hỏi 5.B trong thời gian xóa nợ khoản vay là bao nhiêu? Cung cấp giấy tờ chứng minh.</p>	\$	

thanh toán thuế hàng quý ước tính của chủ sở hữu, miễn là chúng không vượt quá nghĩa vụ thuế đối với lợi nhuận kiếm được trong ba quý đầu năm 2020, 110 phần trăm trong phần tỷ lệ nghĩa vụ thuế năm ngoài trên các khoản phân phối và/hoặc 100 phần trăm trong phần tỷ lệ nghĩa vụ thuế trên tổng số lần phân phối trong năm 2020.

6.	A.	Vào ngày Bên vay nộp đơn đăng ký khoản vay PPP, có bất kỳ chứng khoán góp vốn cổ phần nào của Bên vay được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán quốc gia không?	<input type="checkbox"/> CÓ	<input type="checkbox"/> KHÔNG	
	B.	Nếu câu trả lời cho câu hỏi 6.A là CÓ thì giá trị vốn hóa thị trường của Bên vay vào ngày Bên vay nộp đơn đăng ký khoản vay PPP là bao nhiêu?	\$		
7.	A.	Vào ngày đăng ký khoản vay PPP của Bên vay, có bất kỳ công ty đại chúng nào sở hữu ít nhất 20% bất kỳ loại chứng khoán góp vốn cổ phần đang lưu hành nào của Bên vay không?	<input type="checkbox"/> CÓ	<input type="checkbox"/> KHÔNG	
	B.	Nếu câu trả lời cho câu hỏi 7.A là CÓ, thì tên và giá trị vốn hóa thị trường của công ty đại chúng đó vào ngày đăng ký khoản vay PPP của Bên vay là bao nhiêu?			
		Công ty A (tên):	\$		
		Công ty B (tên):	\$		
		Công ty C (tên):	\$		
		Công ty D (tên):	\$		
		Công ty E (tên):	\$		
8.		Nếu câu trả lời cho câu hỏi 6.A là KHÔNG, giá trị sổ sách (giá trị vốn chủ sở hữu của cổ đông) của Bên vay tính đến ngày cuối cùng của quý dương lịch ngay trước ngày Bên vay đăng ký khoản vay PPP là bao nhiêu?	\$		
9.	A.	Vào ngày đăng ký khoản vay PPP của Bên vay, Bên vay có phải là công ty con của (tức là, ít nhất 50% vốn cổ phần phổ thông của Bên vay, hoặc lãi vốn cổ phần tương đương, thuộc sở hữu của) một công ty khác (công ty mẹ) không?	<input type="checkbox"/> CÓ	<input type="checkbox"/> KHÔNG	
	B.	Nếu câu trả lời cho câu hỏi 9.A là CÓ thì tên của công ty mẹ là gì?			
	C.	Nếu câu trả lời cho câu hỏi 9.A là CÓ, thì công ty mẹ có được tổ chức hoặc thành lập theo luật pháp của một khu vực pháp lý bên ngoài Hoa Kỳ không?	<input type="checkbox"/> CÓ	<input type="checkbox"/> KHÔNG	
	D.	Nếu câu trả lời cho câu hỏi 9.A là CÓ, và nếu bất kỳ chứng khoán góp vốn cổ phần nào của công ty mẹ của Bên vay được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán quốc gia hoặc trên sàn giao dịch chứng khoán không thuộc thẩm quyền tài phán của Hoa Kỳ, thì giá trị vốn hóa thị trường của công ty mẹ vào ngày Bên vay nộp đơn đăng ký khoản vay PPP là bao nhiêu?	\$		

<p>10. Vào ngày Bên vay nộp đơn đăng ký khoản vay PPP, ít nhất 20 phần trăm của bất kỳ loại chứng khoán góp vốn chủ sở hữu đang lưu hành nào của Bên vay có thuộc sở hữu của một công ty cổ phần tư nhân, công ty đầu tư mạo hiểm hoặc quỹ phòng hộ (bao gồm một quỹ do bất kỳ công ty nào như vậy quản lý) không?</p>	<p><input type="checkbox"/> CÓ <input type="checkbox"/> KHÔNG</p>	
<p>11. A. Vào ngày đăng ký khoản vay PPP của Bên vay, Bên vay có phải là một đơn vị liên kết³ hoặc một công ty con (tức là ít nhất 50 phần trăm vốn cổ phần phổ thông của Bên vay, hoặc lợi tức vốn cổ phần tương đương, có thuộc quyền sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp) của một công ty thuộc sở hữu nhà nước, nước ngoài (nghĩa là một công ty do nhà nước nước ngoài sở hữu ít nhất 50 phần trăm) hoặc của một tổ chức, cơ quan, hoặc công cụ của một nhà nước nước ngoài không?</p>	<p><input type="checkbox"/> CÓ <input type="checkbox"/> KHÔNG</p>	
<p>B. Nếu câu trả lời cho câu hỏi 11.A là CÓ, thì tên của doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước nước ngoài hoặc của tổ chức, cơ quan hoặc công cụ của nhà nước nước ngoài đó là gì?</p>		
<p>12. A. Bên vay có trực tiếp nhận được bất kỳ khoản tiền nào từ bất kỳ chương trình nào theo Đạo luật CARES ngoài PPP không, ngoại trừ các quyền lợi về thuế?</p>	<p><input type="checkbox"/> CÓ <input type="checkbox"/> KHÔNG</p>	
<p>B. Nếu câu trả lời cho câu hỏi 12. A là CÓ, vui lòng ghi rõ số tiền.</p>	<p>\$</p>	
<p>C. Nếu câu trả lời cho 12.A là CÓ, vui lòng cho biết tên chương trình hoặc mô tả nguồn tài trợ. [Tối đa 1,000 ký tự]</p>		

³ Đối với mục đích của câu hỏi này, hãy áp dụng phần kiểm tra quan hệ liên kết như được mô tả trong quy tắc cuối cùng tạm thời của SBA về các đơn vị liên kết, 85 FR 20817 (ngày 15 tháng 4 năm 2020).

13. Không bắt buộc - hãy chú thích thêm cho bất kỳ câu hỏi nào trong phần Đánh giá Thanh khoản này [tối đa 1,000 ký tự].

XÁC NHẬN

Đại diện theo Ủy quyền của Bên vay phải xác nhận cho toàn bộ phần bên dưới bằng cách ký nháy vào từng nội dung xác nhận:

_____ Tôi xác nhận rằng tôi có thẩm quyền ký và gửi bảng câu hỏi này thay mặt cho Bên vay.

_____ Tôi xác nhận rằng thông tin được cung cấp trong bảng câu hỏi này và trong tất cả các giấy tờ chứng minh là đúng sự thật và chính xác trong mọi phương diện quan trọng. Tôi đưa ra xác nhận này sau khi đã tìm hiểu hợp lý về con người, hệ thống và các thông tin khác sẵn có đối với Bên vay.

_____ Tôi hiểu rằng nếu tôi cố tình khai man để được đảm bảo khoản vay hoặc xóa nợ cho khoản vay do SBA bảo đảm, tôi sẽ bị trừng phạt theo quy định của pháp luật, bao gồm theo bộ luật 18 U.S.C. 1001 và 3571 là phạt tù không quá 5 năm và/hoặc phạt tiền lên tới 250,000 đô la; theo 15 U.S.C. 645 là phạt tù không quá 2 năm và/hoặc phạt tiền lên tới 5,000 đô la; và, nếu được trình lên một tổ chức được bảo hiểm liên bang, theo 18 U.S.C. 1014 là phạt tù không quá 30 năm và/hoặc phạt tiền lên tới 1,000,000 đô la.

Chữ ký của Đại diện theo ủy quyền của Bên vay

Tên In hoa

Chức danh

Ngày